



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

Số 37, Tháng 3-4, 1998

2001 Talmage Road, Talmage, CA 95481-0217



Đọc trong số này

- Hãy Nỗ Lực Vì Hòa Bình Của Thế Giới
- Lời Cảnh Tỉnh
- Thế Nào Là Ma Nghiệp?
- Bài Nói Chuyện Nhân Ngày LỄ TÁMPHẬT
- Kim Cang Kinh Thiển Thích
- Thông Báo
- Chạy Trốn
- Cẩm Nang Tu Đạo
- Vấn Đáp
- HT Hư Vân họa truyện #10

Phát Hành

Dharma Realm Buddhist Assn.
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803
Tel./ Fax. (562) 438-8902
E-mail: BoDeHai@aol.com
www.saigon.com/~fopusa/

Hãy Nỗ Lực Vì Hòa Bình Của Thế Giới Working Hard for World Peace

Ven. Master Hsuan Hua

HT Tuyên Hóa

Thế giới hiện tại là do nhiều quốc gia hợp thành, mỗi một quốc gia gồm có nhiều gia đình làm nên, mỗi gia đình gồm có nhiều người tạo thành. Cho nên mỗi cá nhân có quan hệ liên đới với toàn thể thế giới. Nếu lòng người thanh tịnh, không có tư tưởng nhiễm ô thì thế giới sẽ hòa bình không có chiến tranh. Ngược lại lòng người ô nhiễm thì thế giới sẽ trở thành xấu xa. Đạo lý này con người ai cũng hiểu nhưng mà họ không thực hành. Biết mà cố phạm lỗi đó thực là đáng thương xót.

Điều tốt là do tâm tạo ra, điều xấu cũng từ tâm mà làm nên. Thế giới hiện tại đang ở chỗ cái tốt không bù được cái xấu. Bởi vậy, địa cầu đi đến chỗ sẽ bùng vỡ, thật là vô cùng nguy hiểm. Tại sao địa cầu đi đến chỗ bùng vỡ? Đó là vì tham, sân, si. Ba cái thứ ác khí đè khắp tất cả mọi nơi. Nếu trái đất hủy diệt

The modern world is made up of many countries. Each country is made up of many families. Each family is made up of many people. Therefore, each person is very closely related to all the other people in the world.

If the mind of the people in the world are pure and free of the defiled thoughts, this world will certainly be peaceful and free of war. On the other hand, if every person's mind is defiled, the world will consequently go bad. Everyone knows this principle, but no one applies. We all know it clearly and yet go against it. That's truly pitiful.

That which is called "good" begins with the mind.

That which is called "bad" also begins with the mind.

The modern world has already reached the point of impending death, when one cannot be sure in the morning whether there will be an evening! Why is this? It's because the planet is on the verge of blowing up; the danger has

thì con người chẳng còn tồn tại được nữa. Tuy vậy, con người không để tâm nghiên cứu vấn đề này, suốt ngày cứ sống trong sự mê muội, chết đi trong mộng mơ. Để thời gian trôi đi một cách hồ đồ, không biết rằng sự nguy hiểm trùng trùng. Con người chỉ thấy sự nguy hiểm trước mắt, không biết nghĩ đến cứu cánh của tương lai. Họ làm cho những vấn đề âu lo của loài người càng ngày càng thêm nhiều thứ không có thực phẩm ăn, không có áo quần mặc, không có nhà cửa ở, không có tài nguyên, nhiên liệu. Họ cho những vấn đề này là vấn đề trọng yếu. Kỳ thật những vấn đề đó còn nhỏ, bởi vì sẽ có lúc chúng sẽ được giải quyết theo thời gian. Thật ra vấn đề sanh tử của mọi người mới là vấn đề trọng đại. Cái phút này mình còn, nhưng phút sau không còn nữa, trong chớp mắt mình sẽ ra đi. Cái chết sẽ tới ngay trên đầu mà mình không hay. Thương thay con người đối với vấn đề nghiêm trọng như vậy thì rất lãnh đạm giống như chuyện chiêm bao vậy. Từ đâu mình sanh lại rồi mình chết đi về đâu? Không ai biết cả. Bây giờ phải làm sao để có một phương pháp cứu vãn tình hình hiện tại. Tức là cải bỏ điều ác, chỉ làm điều thiện, sửa đổi con người chính mình đừng có sinh lòng ích kỷ, tự lợi, mà phải có lòng từ bi; vì tất cả chúng sinh nên học tập tinh thần của Bồ Tát.

Hành vi của mọi người là do tâm chi phối. Bởi vì tâm nên mình biến thành các loài trong mười pháp giới. Một niệm thiện thì mình sinh lên trời; một niệm ác thì mình bị đọa địa ngục. Cho nên nói: “*Nhất niệm giác tự thị Phật, nhất niệm mê tức chúng sinh.*” (một niệm giác ngộ thì là Phật, một niệm hồ đồ thì là chúng sinh). Nói một cách nông cạn thì một tư tưởng lợi ích cho kẻ khác đó là Bồ Tát; một tư tưởng làm lợi ích cho mình thì đó là chúng sinh; một ý niệm hồi quang phản chiếu tìm giải đáp nơi chính mình thì đó là A-la-hán và đức chư Phật. Một ý niệm quay ngược lại sự giác ngộ lẫn theo bụi đời đó là phàm phu; một ý niệm quay ngược lại với bụi đời để trở lại với giác ngộ tức là thánh nhân. Cho nên cả hai mặt xoay qua đổi lại thật giống như trở bàn tay vậy.

Thế giới tốt hay xấu đều do tâm niệm của mình mà tạo thành. Con người ai cũng có tâm lành thì thế giới sẽ yên trụ mãi mãi; con người có tâm ác thì thế giới sẽ hóa diệt. Đó là đạo lý rất hiển nhiên. Đạo Phật dạy người ta làm điều thiện, biết rõ nhân quả. Làm điều thiện nhiều, công

reached an extreme. Why is the earth about to blow up? Because it has been oppressed by the violent forces of the three poisons: greed, anger, and stupidity. If the earth is destroyed, the human race will certainly not survive.

But the people of the world still refuse to face this situation. They still pass their time in drunkenness and die in a dream, totally oblivious to the crisis. Some are only concerned about what lies before them and have no regard for the future. They worry that the human population is increasing daily, and that there are people with no food to eat, no clothes to wear, no houses to live in, and no energy supply; they think that those are the most serious problems. Actually, those are relatively minor problems which will naturally resolve themselves in time.

Our birth and death is really the big problem. One minute we're here, but the next minute we're gone. In the twinkling of an eye, the suffering of separation while alive or when nearing death comes upon us. But people all treat this serious problem with indifference, as if it were a dream. Where did we come from when we were born? Where will we go when we die? We have no idea. Even if we understood the situation, what could we do? There's only one way to save ourselves, which is to correct our faults and go towards the good, to reform ourselves. We shouldn't be so selfish and greedy for personal profit. Be kind and compassionate and do everything for the sake of other living beings. We should imitate the spirit of the Bodhisattvas.

Each person's behavior is controlled by his thoughts, which cause him to enter the Ten Dharma Realms. With one good thought, one can be born in the heavens. With one evil thought, one can fall into the hells. It's said,

With one enlightened thought, you are a Buddha.

With one confused thought, you are a living being.

To put it simply, with one thought to benefit living beings, you are a Bodhisattva. With one thought to benefit yourself, you are a living being. With one thought of turning the light inwards to reflect on yourself, you are an Arhat or a Pratyekabuddha. The choice is yours. If you turn your back on enlightenment and unite with defilement, you are a common person. If you turn your back on defilement and unite with enlightenment, you are a Sage. It's as easy as turning your hand over.

Whether the world is good or bad also depends on a single thought. If every person's mind is good, the world will abide eternally. If every mind is bad, the world will

đức nhiều có nghĩa rằng đừng có tranh, đừng có tham, không mong cầu cái gì, chẳng ích kỷ, cũng chẳng tự lợi và không nói láo. Như vậy thế giới sẽ từ chỗ nguy hiểm mà trở nên an ninh. Cho nên nói: “*Nhất thiết duy tâm tạo.*” (tất cả mọi thứ đều do tâm làm ra). Tâm tạo ra thế giới, tâm có thể hủy diệt thế giới; tâm tạo ra thiên đường, tâm cũng có thể tạo ra địa ngục.

Gia đình là do mọi người làm thành, con người là do vọng tưởng mà thành hình. Nếu đem vọng tưởng xấu sửa đổi thành vọng tưởng tốt lành thì đó là người tốt. Nếu đem ý niệm thiện mà biến thành ý niệm xấu thì đó là người ác. Đó là sự khác biệt giữa người ác và người lành. Chúng ta là những người tu hành thì phải siêng năng tu *Giới, Định và Huệ*, trừ bỏ đi tham, sân, si. Đó là điều kiện căn bản của sự tu hành, học Phật pháp. Mình đầu tiên phải đừng làm điều ác mà làm tất cả điều lành. Đó cũng là điều hết sức căn bản. Nếu ai cũng có thể theo điều này mà thực hành thì thế giới có thể trở nên tốt lành, khí lành sẽ tăng gia và cái ác khí sẽ tổn giảm. Trong vũ trụ sẽ đầy những chính khí an lành, trái đất sẽ không bùng nổ.

Làm sao cho thế giới yên ổn, an lành? Chỉ còn một biện pháp là mình tới học Phật pháp nơi cái đạo tràng mà có chính pháp, rồi sửa đổi lỗi lầm của mình. Mọi người ai cũng bỏ điều ác, mà làm điều lành thì thế giới sẽ không có ba thứ tai nạn, tám thứ khổ. Con người ai cũng sống trong hòa bình thương yêu lẫn nhau không còn tranh, không còn tham nữa. Đó là thế giới đại đồng. Hy vọng rằng lúc đó những kẻ không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng sẽ vì gia đình, vì tổ quốc, vì thế giới bỏ đi những tánh tham lam, làm những việc xã hội phúc lợi cho mọi người. Mình cũng nên biết rằng tài sản là những vật ngoài thân, sanh ra mình không đem tới, chết đi cũng chẳng đem theo được. Người ác khi lấy được ánh sáng tốt đẹp của người lành, cái hắc ám của người ác ôn bị hào quang của người thiện chiếu soi làm tan mất. Lúc đó thế giới không còn bị ác khí, địa cầu mới không bị hủy diệt. Đạo lý này rất giản dị nhưng mình phải biết dụng công rất sâu xa thì mới có hiệu quả được. Tùy cái tâm mình hạ thủ xuống tay cải tạo thế giới, làm thế giới được bình an.

Mình phải lãnh đạo cái tâm, nếu cái tâm xấu thì thân thể đầy đủ tật bệnh, gặp đủ thứ tai nạn

be destroyed. This is the law of nature. Buddhism exhorts people to go toward the good, to understand cause and effect, to create abundant wholesome merit and virtue. That is, if people refrain from contention, greed, seeking, selfishness, self benefit, and lying, the danger in the world will naturally become peace. It's said, "Everything is made from the mind alone." The mind can create the world, and it can destroy the world. The mind can create the heavens, and it can create the hells.

Families are made up of people, and people are made up of idle thoughts. If you change evil idle thoughts into good idle thoughts, you become a good person. If you change good idle thoughts into evil idle thoughts, you become a bad person. That's the pivotal point between being a good person and a bad person.

Cultivators should diligently cultivate precepts, samadhi and wisdom, and put greed, anger, and stupidity to rest. Those are basic requirements. People who study the Buddhadharma should first of all abstain from all evil, and offer up all good conduct. That is a basic requirement. If everyone can really practice in that way, the world will become good, the auspicious energy will increase, and the violent energy will decrease. If the universe is filled with auspicious proper energy, then the earth will not blow up.

How can we make the world peaceful and stable? There is only one way: to come to a way-place of the Proper Dharma to study the Buddhadharma, reform your faults, and renew yourself. If everyone mends his way and becomes good, the world will be free from the three calamities and the eight difficulties, and all people will live together harmoniously, without greed or contention, in a world of Great Unity.

I hope the people who have no religious faith will, for the sake of the family, the country, and the world, renounce greed and do some work for the welfare of society. You should realize that money is an external thing which you did not bring with you at birth, nor can you take with you when you die.

If the light of the good people can counteract the darkness of bad people, this world will be free of the violent forces of the three poisons and will not be on the verge of extinction. Although this principle is very simple, it requires a profound effort to apply it successfully. All of you! You must begin with the mind and reform the world, changing hostility into harmony and bringing peace to the world.

bất ngờ. Chúng ta cần phải phản tỉnh, kiểm thảo, nếu có tội lỗi phải mau sám hối. Bởi vì, tội lỗi đầy trời nếu sám hối thì tiêu sạch. Tất nhiên, mình phải thành tâm sám hối thì mới tiêu tai. Đừng nên coi là chuyện giỡn, hằng ngày làm chuyện ác, ban đêm sám hối tin rằng có thể tiêu tai. Nếu như có tư tưởng như vậy, thì chẳng những tội chẳng tiêu mà còn nặng thêm nữa. Bởi vì sao? Mình đã biết tội còn cố phạm nữa thì không thể nào được tha thứ.***



Kinh Kim Cang...

vậy, đi khát thực một cách bình đẳng: “*Trong tâm ông nghĩ, đối với trai chủ, chẳng kể thức ăn dơ sạch, dòng Sát-đế-lị hay chiêm-đà-la, chẳng kể quý tiện, phát tâm từ bi để thành tựu tốt đẹp cho tất cả chúng sanh đều hưởng công đức vô lượng.*”

Trong thành ấy, Ngài theo thứ lớp khát thực, xong trở về nơi cũ. Tại sao biết đức Phật không chọn lựa? Vì Ngài lần lượt từng nhà, khát thực xong nhà này, Ngài đến nhà khác, theo đúng thứ lớp.

Khi nào khát thực xong, Ngài trở về nơi cũ. Nơi cũ (bồn xứ) đây là rừng Kỳ-đà vườn Cấp-cô-độc.

Thọ trai xong, Ngài cất y bát, rửa chân rồi trải tòa ra ngồi. Ngài thọ trai, ăn xong Ngài xếp y, chải dọn bát rồi rửa chân, vì theo tập quán đương thời là khi ra ngoài không mang giày, mang bó-tất, để chân trần, đạp đất. Chỉ khi nào về nhà, ăn xong mới rửa chân sạch sẽ.

Khi làm xong tất cả các điều này rồi, đức Phật làm gì? Ngài ngồi tham thiền. Bản văn của Hán tạng dịch chỗ này là “phu tòa nhi tọa.” Phu tòa nghĩa là trải lại tọa cụ ngay ngắn để ngồi cho thư thái, chẳng giống chúng ta bây giờ, đệm chỗ ngồi cho thật dày, thật êm, ngồi sao cho thoải mái, còn Phật thì chỉ xếp chỗ ngồi cho tề chỉnh một chút thôi.

Trong bất cứ một hành vi nào, như lúc Phật

The master of each person is his mind. If the mind is corrupt, the body will be plagued with sickness and prone to accidents and disasters. We must reflect within and examine ourselves. If we have faults we should hurry and repent! It is said,

Offenses that fill up the skies are dissolved by a single thought of repentance.

But you must sincerely repent if you want to quell disasters. You can't treat it as a joke, doing evil during the day and repenting at night, thinking you can quell disasters. With that kind of attitude, instead of getting rid of your offenses, you only increase their severity. Why? It's because you deliberately break the law, and therefore, you cannot be forgiven.

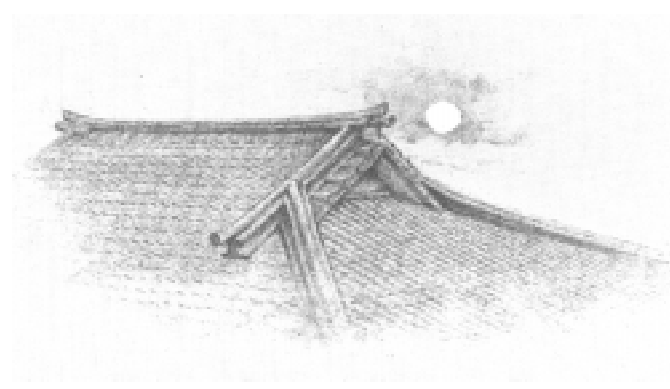
ăn uống, đắp áo, hoặc làm một việc nhỏ nhặt nào khác trong cuộc sống, không kể giờ nào trong ngày, Ngài đều biểu hiện thực tướng bát-nhã, bốn địa phong quang, không phải là cách thức cố ý làm ra cho kiểu cách. Nếu chúng ta hiểu rõ Phật pháp thì mọi hành vi cử chỉ đều là tu hành, chẳng phải chỉ tu lúc ngồi tĩnh tọa. Ngồi tại một chỗ nào thì làm như một kẻ đã tu một cách thuần thành, còn ngoài lúc ngồi ra thì khoa tay múa chân, nói đông nói tây, toàn chuyện trên trời dưới biển. Người tu đạo phải tự lo liệu hành vi cử chỉ của mình, đi đứng nằm ngồi không lia chánh niệm. Những người tu đạo cùng ở một chỗ, phải giảm thiểu bất chuyện với nhau, vì nói nhiều sẽ phí thời giờ công phu của người xung quanh, mà dụng công tu đạo thì nhất cử nhất động không thể làm phương hại đến người khác. Vô luận đức Phật làm việc gì, không bao giờ thấy có sự ồn ào, to tiếng, và lúc nào cũng thấy có sự yên lặng, cho nên, với bao nhiêu người ở cùng một nơi, mà từ sớm đến tối, không thấy có ai chuyện trò, hoặc nếu có tiếng nói nào thì thanh âm cũng nhỏ nhẹ, không làm phiền tới một ai.***

(còn tiếp)

Bồ Đề Hải đã có trên hệ thống internet. Quý đạo hữu có thể xem tại địa chỉ sau:

<http://www.saigon.com/~fopusa/>





Lời Cảnh Tỉnh

Sư Cô Chứng Nghiêm

Sư Cô Chứng Nghiêm (Master Cheng Yen) quê quán ở tỉnh Đài Trung, Đài Loan. Năm 23 tuổi cô xuất gia, sống đời thanh đạm tu hành. Vào thời ấy vì hoàn cảnh khó khăn, cô đã phải làm nhang, đèn cầy, đậu hủ, bán để giúp chùa và duy trì sinh hoạt cá nhân. Thấy sự khổ sở của đồng bào, cô đã phát đại nguyện hành đạo bỏ tất để cứu tế chúng sinh. Với đại nguyện và tinh thần vì người quên mình, nhiều nhân duyên bất khả tư nghì đã cảm ứng, để đến năm 1966, cô thành lập Từ Tế Công Đức Hội (Buddhist Compassion Relief Tzu Chi Foundation). Thế rồi trải qua hơn ba mươi năm cần khổ phục vụ, hội đã giúp không biết bao nhiêu người nghèo khổ bệnh tật và vì vậy hội đã trở thành một trong những tổ chức từ thiện cung ứng nhu cầu về y tế, phục vụ, giáo dục, văn hóa tích cực nhất ở Đài Loan. Hiện tại Buddhist Compassion Relief Tzu Chi Foundation đã có chi nhánh tại Nam Phi, Á Căn Đình, Bỉ, Hoa Kỳ cũng như Nhật Bản, Thái Lan... Sư Cô được trao tặng Ramon Magsaysay Award năm 1991 và cũng đã được đề nghị lãnh giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1993. Những lời khuyên sau đây là lời cô bản thân kinh nghiệm, nói lại cho chúng ta để đối diện với hoàn cảnh thực tế mỗi ngày.

(tiếp theo)

- Kinh Đại Trang Nghiêm dạy rằng: Làm lành thì tự nhiên sẽ có sức mạnh khiến sau này thọ quả báo tốt. Sức mạnh của vua chúa cũng không sao sánh bằng sức mạnh của nghiệp.
- Học Phật thì phải học thứ Phật sống động. Tu thiền cũng phải tu thứ thiền sống động. Mỗi ngày trong sinh hoạt bình thường đi đứng nằm ngồi, mình phải học thiền. Thiền ấy mới chính là thiền sống động.
- Hãy tự kiểm thảo hành vi chính mình, đừng ý lại, dựa vào thế lực bên ngoài như phong thủy.
- Xuân trăm hoa nở, thu trăng tròn;
Hè gió hiu mát, đông tuyết rơi.
Lòng không lãng xăng trăm ngàn mối,
Mới là thời tiết tốt nhất đời.
- Muốn được đời an bình, trước phải có lòng an tịnh.
- Lúc đức Khổng Tử hơn bảy mươi tuổi ngoài, có lần ngài ngồi xe đi qua một chỗ nọ, đúng lúc gặp phải một em bé ngồi bên lề xây một
- tòa nhà bằng bùn đất. Ngài Tử Lộ, là một vị học trò của đức Khổng Tử, hỏi em bé ấy rằng: “Em kia, em chẳng thấy xe ta đang đi tới? Sao chẳng mau mau tránh ra.” Em bé ấy an nhiên tự tại ngẩng đầu lên, đáp rằng: “Í! Từ xưa đến nay, phải chăng là xe tránh thành, hay là thành tránh xe?” Đức Khổng Tử ngồi trên xe nghe như vậy, vội vã xuống xe, chấp tay cung kính xá xuống, nói rằng: “Em bạn trẻ, em đúng là thầy của ta! Ta tuy đã ngoài bảy mươi, song chẳng nghĩ tới điểm này. Em làm ta thể hội điều này, do đó em là thầy của ta.” Chu Hy có nói: Chẳng có việc gì mình không học, chẳng có lúc nào mình không học, chẳng có chỗ nào mình không học.
- Coi nhẹ chính mình thì tức là trí huệ; có trí huệ thì sẽ tự tại. Coi trọng chính mình thì tức là chấp trước; hễ chấp trước thì sinh phiền não.
- Khi xả bỏ được lợi lạc cá nhân, thì sẽ thành đạt được công ích.
- Bảo vật không dùng thì sẽ thành phế vật. Kẻ trí huệ không những biết dùng nó, mà còn biết dùng nó để tạo phước đức.

- Kinh có kể chuyện: Có người bị con voi điên rượt chạy trong rừng. Trong lúc sợ hãi chạy trốn, anh chợt thấy một cái giếng hoang, với rễ cây đan thành giây, thông xuống giếng. Anh liền thuận tay leo xuống. Tối gần tới đáy, anh chợt phát hiện có một con rồng độc nằm cuộn dưới đáy. Rồng ta giương vuốt, há mồm chờ anh xuống gần. Bốn bên tường giếng là bốn con rắn độc, cũng phòng mang muốn cắn. Sợ quá, anh ta lập tức trèo ngược trở lên. Nào ngờ bên trên một cặp chuột, con trắng con đen, đang cắn đứt dần giây leo. Lúc ấy anh ta thật chẳng biết phải làm sao cho ổn. Ngay lúc nguy cấp vô cùng như thế, từ trên tầng cây bên trên miệng giếng, hốt nhiên một giọt mật từ nơi hoa rớt xuống miệng anh ta. Mùi vị của giọt mật thật ngọt ngào làm sao! Anh ta trong phút chốc, mê mẩn với mùi vị, bỗng quên bẵng mọi chuyện xung quanh, quên cả việc mau mau tìm cách thoát hiểm.

Chúng sinh sống trong sự nguy hiểm của cái giếng Tam Giới, bị vô thường (con voi điên) bức bách, ngày đêm (hai con chuột) mạng sống giảm dần. Thân thể do đất nước gió lửa tạm bợ hợp thành này cũng giống như bốn con rắn độc, sẽ có lúc làm thân thể này tan rã, mất mạng. Nếu chẳng chịu tìm cách xuất ly, cứ bị khoá lạc tạm thời (giọt mật ngọt) của cõi đời làm mê hoặc, lấy cái giả làm thật, cho cái khổ là sướng, thì sẽ khó thoát đọa lạc địa ngục (con rồng độc).

- Người sống trong hạnh phúc, chẳng hề có việc gì phải rên rỉ than vãn, là vì họ không hiểu thấu bệnh hoạn thống khổ chân chính là gì.
- Giúp người chính là giúp mình, bởi vì không ai có thể sống một mình, tách rời đoàn thể.
- Con cái vui cười: đối với cha mẹ cũng ấm áp như là mặt trời mùa đông.
- Nếu có thể mượn cảnh để luyện tâm thì mới có thể tiết chế được sự khao khát không ngừng mé của tâm linh, đồng thời sẽ thể nghiệm được sự sung sướng và đầy đủ.
- Hy vọng rằng quan hệ giữa mẹ chồng và con dâu sẽ biến thành như mẹ và con gái ruột.
- “Tôi có một hạt ngọc, đã lâu bụi bám đầy, ngày kia bụi hết; quang sinh, sáng soi non sông vạn cảnh.” Chẳng biết kho châu báu trí

huệ của tự tâm, chỉ biết cầu pháp bên ngoài tâm, đó chính là chẳng có trí huệ.

- Trước không vun trồng lòng từ bi và lòng nhẫn nại, sau học Phật khó thành.
- Khi người ta đau khổ thường thốt lên rên siết. Rên siết là một âm thanh, mà cười cũng là một âm thanh. Rên siết thì khiến người buồn bã ưu sầu, còn cười thì đem lại niềm vui hoan hỉ.
- Về tươi cười trong lúc bệnh thì giống hệt như ánh dương quang sau khi mây đen tản tạnh. Sự tươi mát ấy làm người ta cởi mở vui vẻ.
- Kẻ ngu si thì thường xây trong lòng mình một bức tường kiên cố ngăn rào chính mình lại. Người trí huệ thì chắc chắn phá bỏ bức tường ấy, giải phóng người ở trong ấy ra.
- Lúc khổ mà có thể buông bỏ cái khổ ấy, lúc đau mà cũng có thể buông bỏ cái đau ấy thì tự nhiên không còn đau khổ nữa.
- Tha thứ cho người là mỹ đức, tha thứ cho mình là tổn đức. Càng tha thứ cho người thì càng có phước.
- Đừng xem bệnh hoạn đau đớn quá quan trọng, khi xem chúng quá quan trọng, ta sẽ xem nhẹ chính mình. Khi xem nhẹ chính mình, ta sẽ không thể siêu việt được bệnh khổ.
- Đức tin, nghị lực và dũng khí: khi bạn có đủ ba đức tính này thì thiên hạ chẳng chuyện gì khó nữa.
- Mỗi giây mỗi phút đều là khởi đầu và cũng là sự kết thúc của sinh mạng. Chết đi cái cũ, sinh ra cái mới. Quan trọng là phải tạo ra cái mới.
- Kẻ có sức mạnh lớn lao là kẻ có khả năng nhẫn nại mọi sự lắng nhục. Có thể nhẫn nhục là có thể không khởi ác ý, không nuôi lòng ác, nên được người tôn kính, và thành tựu mọi sự.
- Người ngu thì luôn cho mình là *đúng*. Người trí thì khéo biết xoay chuyển cái ý niệm *đúng* đó.

(còn tiếp)

Hoa Nghiêm: Thế nào là ma nghiệp?

Ma nghiệp là những hành vi, tập quán, lời nói, suy nghĩ hay thái độ chướng ngại sự khai phát chân tánh, phát triển trí huệ và sự giải thoát Niết Bàn. Ma nghiệp cũng có nghĩa là nghiệp khiến ta làm ma hay quyến thuộc của ma; vì thế ma nghiệp cũng tức là nghiệp của loài ma. Khi tu hành, ta phải hiểu rõ những nghiệp ấy để tránh, đừng tạo nghiệp. Ma nghiệp tuy vô vàn, song Kinh Hoa Nghiêm tóm tắt chúng trong mười phạm vi như sau:

1. **Quên mất Bồ Đề Tâm, tu chư thiện pháp, thị vi ma nghiệp.**

(Quên mất tâm bồ đề khi tu pháp lành; đó là ma nghiệp).

Tâm Bồ Đề là tâm giác ngộ, tâm hướng về giác ngộ và cứu độ chúng sinh. Quên mất tâm Bồ Đề là quên mất phương hướng tu hành; quên mất bản thể đường tu; quên rằng tu để ngộ thể tánh bất sinh bất diệt sẵn có trong tự tâm mình. Bởi vậy cho nên lòng hướng ngoại truy cầu; quên rằng tu không phải để thành đạt bất kỳ thứ gì ngoài tâm. Vì thế quên gốc bồ đề tự tánh nên người tu phóng tâm truy đuổi những thành tựu bên ngoài (như phước đức, quả báo, thiền định, thần thông, biện tài...). Chẳng phát triển tâm bồ đề, đủ pháp lành, chỉ gặt phước báo, song không thành chánh giác đặng. Đó chính là ma đạo.

2. **Ác tâm bố thí, sân tâm trì giới, xả ác tánh nhân, viển giải đãi nhân, khinh mạn loạn ý, cơ hiểm ác huệ, thị vi ma nghiệp.**

(Bố thí với lòng ác ý, trì giới với lòng sân hận, bỏ rơi kẻ có tánh xấu, xa rời người hay lừa dối, khinh khi kẻ tâm tán loạn, hiểm ghét người có ác kiến).

Đây là dạy ta thái độ đúng đắn khi tu lục ba la mật. Cốt yếu là giữ tâm trung đạo, giữ trạng thái quân bằng về tâm lý cũng như thể xác. Hễ khi ta cống cao ngã mạn, ích kỷ nhỏ nhen, lòng thiếu từ bi bao dung thì sự quân bằng, trung đạo sẽ bị phá tan.

a. Ác tâm bố thí: Bố thí cốt để bỏ tánh bòn xén, trừ chấp ngã, phá tham trước đồ sở hữu. Khi Bố thí ta cần thành tâm, vui lòng, chân chính quên mình vì người, chẳng hối hận, tiếc rẻ gì cả. Đó là chính đạo. Thế nhưng có tâm mong cầu tính toán; vì muốn đổi chác, “mình cho họ cái này, sau này họ giúp mình chuyện kia”; vì muốn quả báo, “bố thí sẽ đặng giàu sang” đều là tà. Bố thí vì có ác ý làm người nhận tức giận hay đau khổ thì tức là ma nghiệp. Hoặc giả bố thí với thái độ khinh khi, khó chịu, dẫn vật người nhận cũng là ma nghiệp. Ví như, biết người ta không thích không ưa đồ gì, song cứ bố thí cho họ đồ ấy để chọc giận họ; đó cũng là ma nghiệp. Tóm lại: nếu động cơ, thái độ và mục đích của ta là ích kỷ, nhỏ nhen, ác độc thì thay vì tạo công đức, mình chỉ gây tội nghiệp, lạc đường ma.

b. Sân tâm trì giới: Phật dạy ta trì giới để tam nghiệp thanh tịnh, không làm ác. Gốc của giới là thanh tịnh vô nhiễm. Kinh Lăng Nghiêm gọi trì giới tức là nhiếp tâm: thu nhiếp tâm, chẳng để tâm phóng dật buông lung. Trì giới mà khởi lòng giận dữ thì tâm chẳng thanh tịnh. Dùng lòng tức giận ghen tuông oán thù để trì giới thì càng sai lầm. Luận Đại Trí Độ thuật lại chuyện vị Sa di đấm nhiễm nhan sắc các cô Long nữ. Sa di khởi lòng muốn chiếm đoạt các Long nữ, nên sinh ghen ghét với Long vương. Về lại chùa Sa di quyết chí tinh tấn trì giới tu thiền. Chẳng bao lâu hoạch thần thông, biết quả báo đã tới, xuống Long cung, giết Long vương, đoạt ngai vàng, chiếm Long nữ. Đây là ví dụ về động cơ trì giới tu hành vừa tham lam vừa sân hận. Hòa Thượng Tuyên Hóa thường dạy rằng khi tu đạo, ta chớ khởi lòng hiếu thắng, tranh giành “bạc nhất, giỏi nhất.” Dùng cạnh tranh, ganh đua với sự tu hành của kẻ khác. Nói tóm: động cơ và thái độ khi trì giới phải hoàn toàn chẳng có lòng sân hận, ghen ghét.

c. *Xả ác tánh nhân:* Đây nói về hạnh nhân nhục. Khi bị hủy báng, xỉ vả, ngược đãi mà nội tâm tức giận, song ngoài mặt phớt tỉnh, thì đó chưa phải là nhân nhục ba la mật. Nhân nhục là hạnh chấp nhận vô điều kiện ở nội tâm, mặc cho chuyện gì bên ngoài xảy tới, mà lòng chẳng hề sinh phiền não, phản kháng, tức giận. Nếu hoàn cảnh khiến ta phải giao thiệp tiếp xúc với kẻ ác, tánh nết xấu xa, mình phải tu nhẫn. Hãy học hỏi phương tiện thiện xảo để giúp mình tu hạnh từ bi nhẫn nại.

Nhẫn một chút, gió im sóng lặng

Lặng một bước, biển rộng trời trong

Đối với bậc thầy hay kẻ đã an trụ trong lý đạo, nếu bạn không dạy dỗ cảm hóa kẻ xấu ác thì ai dạy dỗ cảm hóa họ? Bởi vậy đã là kẻ hiểu đạo, bạn càng phải phát đại nguyện để cảm hóa kẻ xấu ác. Cảm hóa họ là đường Bồ tát, xả bỏ hủi họ là đường ma tà.

d. *Viễn giải đãi nhân:* Đây là nói về hạnh tinh tấn. Thông thường mình hay nghĩ: “Đường ai nấy đi; Ai tu nấy hưởng.” Song tu hạnh Bồ tát, là phải làm sao cho kẻ khác cùng tu như mình. Mình tu tinh tấn để làm gương cho kẻ khác, cổ vũ kẻ khác cùng tu. Đừng nên kiêu ngạo, tự đại khi tinh tấn tu hành, cho rằng mình tu hay hơn người. Nên sinh tâm từ bi bình đẳng, đừng chê bai bỏ rơi kẻ lười biếng, và tìm cách giúp họ tinh tấn. Bạn hãy suy nghĩ, xét nghiệm lại động cơ làm cho mình tinh tấn tu đạo: Phải chăng bạn muốn thành đạt cái gì? Phải chăng bạn có sở cầu? Phải chăng xưa nay bạn chỉ biết đến sự tu hành của cá nhân mình. Hãy sửa đổi động cơ sai lầm, mở rộng quan niệm tu hành: Tu là tu với chúng sinh, chẳng phải tu chỉ riêng mình.

e. *Khinh mạn loạn ý:* Đây nói về thiền định. Bình thông thường của kẻ mới tập thiền, đắc được chút cảnh giới là cho mình đặc biệt khác người. Tu đắc đến cảnh giới cao siêu, trụ thiền nhập định, chúng thần thông gì đi nữa, hề hành giả khởi một ý niệm nhỏ như đầu lông răng: ta đắc, ta chứng, ta hay, ta giỏi, hành giả lập tức lạc vào đường tà. Tu thì phải vô ngã, không còn cái ta. Sinh tâm khi dễ, chê bai, dù là một ý niệm. Cho rằng “ta tu giỏi, bọn họ tu kém”- ý niệm so sánh nhân ngã- thì mình đi vào đường ngã mạn, bạn bè với ma vương. Do đó phải tập tu thái độ bình đẳng khiêm nhường,

đừng cho mình là đặc biệt. Đừng xem thường kẻ chưa tu, không tu hay kẻ tán loạn. Thử hỏi mình đã làm gì để giúp họ.

f. *Cơ hiềm ác huệ:* Đây là nói về hạnh bát nhã. Kẻ ác huệ là kẻ có tà kiến điên đảo, hủy báng Tam bảo, không tin nhân quả. Không biết lấy tâm phục thiện, ngoan cố chấp trước vào kiến giải, học thức của mình. Đối với những người có tà kiến như vậy, đức Phật dạy ta đừng đấu lý với họ, đừng tranh chấp hơn thua với họ. Cùng chỗ sinh thù oán, hiềm khích. Trí bát nhã thì an trú nơi cõi lòng trong suốt, tỏ lý và biểu hiện nơi đạo đức vị tha. Trí Bát Nhã không hiện hữu nơi ngôn từ tranh chấp, nơi lời lẽ thị phi tranh đấu, hay nơi lý luận xa vời. Tu trí bát nhã là tu tinh thân vô ngại; thâm thấu chân lý, xuyên suốt mọi kiến giải. Do đó sẵn lòng bao dung mọi lý lẽ, mọi kẻ dị kiến hay ác kiến. Nếu chẳng đạt vô ngại thì lúc nào cũng cho mình đúng, họ sai; mình chính, họ tà; mình tốt, họ xấu. Vĩnh viễn tranh chấp. Nên kinh dạy: đừng hiềm ghét kẻ ác kiến.

3. *Ư thậm thâm pháp tâm sinh xan lẫn, hữu kham hóa giải nhi bất vì thuyết. Nhược đắc tài lợi cung kính cúng dường, tuy phi pháp khí nhi cường vì thuyết. Thị vi ma nghiệp.* (Nếu bạn sinh lòng bòn xén đối với pháp thâm sâu, Không chịu thuyết cho kẻ có khả năng thọ nhận; Lại miến cưỡng thuyết cho kẻ cúng dường tài lợi cho bạn dù họ không phải là kẻ pháp khí; Đó là nghiệp ma).

Đây là nói tới thái độ ích kỷ tự lợi khi thuyết pháp. Thuyết pháp độ sinh thì phải vô tư, không thiên vị. Ai đáng được dạy thì dạy, ai đáng độ thì độ. Đó gọi là đối cơ. Kẻ chưa đủ nhân duyên, chưa có khả năng lãnh hội mà ta cưỡng thuyết, e chẳng làm lợi cho họ. Nếu ta sinh tâm tham ích kỷ chỉ dạy pháp cho kẻ cúng dường thì há chẳng phải mình đem Phật pháp trao đổi như một món hàng? Pháp là chân lý tồn tại trong mọi thời ở trong tâm mọi chúng sinh. Pháp không phải là vật, là món hàng mình có thể sở hữu. Nhiệm vụ vị Pháp sư là chỉ điểm chân lý sẵn có ấy. Hễ ta sinh lòng bòn xén, sinh tâm đối chác thì sai lầm. Không xem pháp là chân lý cộng hữu, và mình là phương tiện truyền đạt vô tư thì sớm muộn gì cũng rơi vào ma đạo.

(còn tiếp)

Bài Nói Chuyện Nhân Ngày LỄ TẮM PHẬT

Truyền thống Phật đản của Bắc Tông và Nam Tông không giống nhau. Bất cứ ngày nào nếu mình đem lòng kiên thành ghi nhớ, lễ lạy cung kính đức Phật thì ngày đó là Phật đản. Bởi vì pháp vốn không phải là định pháp (pháp cố định). Nếu ở chi tiết này mà nghiên cứu tìm tòi thì tới lúc đầu bạc, mất hoa, cũng không tìm ra lý do vì sao, chỉ phí thời giờ, đáng tiếc.

Thông thường người ta đối với Phật giáo cũng chấp trước lắm. Có người thì chấp trước vào Phật giáo Ấn độ, có kẻ chấp trước vào Phật giáo Tích Lan, hoặc Phật giáo Trung Hoa, hay Nhật Bản... Vì có đủ thứ chấp trước và quan điểm, do đó hạn chế Phật giáo, làm đạo Phật có biên tế, có ngăn chia.

Kỳ thật Phật giáo thì vô lượng vô biên, chẳng có phạm vi cố định. Do đó tôi chủ trương không phân chia, giới hạn đạo Phật. Phải khiến thế giới hợp thành một nhà, đoàn kết nhất trí thì mới đúng. Tôi vẫn nói, Phật giáo mà tôi giảng không phải là Phật giáo Ấn Độ, cũng chẳng phải Trung Hoa mà là thứ đạo Phật tận hư không biến pháp giới. Nói cho rõ, đó là thứ đạo chẳng phân quốc tịch, chủng tộc, cũng chẳng có nhân ngã gì cả. Không những kẻ tin Phật là tín đồ của đạo mà kẻ chẳng tin cũng là tín đồ của Phật giáo. Tại sao? Vì đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy rằng:

*“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh,
đều có khả năng thành Phật.”*

Đấy chứng minh rằng kẻ tin Phật hay không tin Phật đều là chúng sanh cả (và do đó đều sẽ thành Phật).

Có người nói: *“Tôi không phải là chúng sanh.”*
Vậy bạn là ai?

Có người nói: *“Tôi gọi là Trời, tôi là ông Trời.”*
Bạn nên biết: *“Trời cũng là một loại chúng sanh.”*

Có người nói: *“Tôi tên gọi là Địa, tôi là ông Đất.”*

Bạn nên biết: *“Đất cũng là một loại chúng sanh, chớ chẳng vượt ra ngoài vòng chúng sanh.”*

Tận hư không, biến pháp giới đều là chỗ chúng sanh cư ngụ. Ngoại trừ pháp giới của Phật, là pháp giới vượt ra ngoài chúng sanh, còn lại 9 pháp giới đều là chúng sanh cả. Nếu đã là chúng sanh, tôi xếp vào hàng Phật giáo cả, như vậy có gì là sai. Đây gọi là Đại dụng của đạo. Phật dạy rằng mọi chúng sanh đều có thể thành Phật. Tin hay không tin đạo Phật tương lai ai cũng thành Phật. Vì sao? Vì chẳng ai thoát ra ngoài vòng chúng sanh. Bây giờ không tin Phật, tương lai sẽ tin Phật. Đời này không tin Phật, đời sau sẽ tin Phật. Chung cuộc sẽ có ngày tin Phật. Do đó, mọi chúng sanh đều là tín đồ Phật giáo. Hiện có tôn giáo không xét tới lý lẽ, chấp nhất nói rằng chỉ có một vị thần độc nhất vô nhị. Rằng thần làm chúa tể thế giới, sáng tạo thế giới, khống chế vũ trụ. Rằng con người chẳng có tư cách làm thần, mà chỉ làm nô lệ, chịu thần chi phối thôi. Lý luận như trên thì hoàn toàn tương phản với đạo Phật, bởi vì tông chỉ của đạo Phật là ai cũng có thể thành Phật. Những chúng sanh hiện tại đây, là cha mẹ của chúng ta trong quá khứ, và sẽ là chư Phật trong tương lai. Do đó hễ mình sân hận chúng sanh thì tức là sân hận cha mẹ và chư Phật; và trở nên kẻ đại nghịch, bất hiếu.

Vì thế mình nên từ bi, tôn trọng chúng sanh. Đối đãi với người với người, mình phải dùng tâm thành giúp đỡ, chớ chẳng chướng ngại, chẳng đố kỵ. Đó là chỗ vĩ đại của Phật giáo.

Hôm nay các vị tới Vạn Phật Thành tham dự lễ tắm Phật, dù là kẻ tin Phật, chẳng tin Phật, tắm Phật hay chẳng tắm Phật tôi đều nhận các vị là tín đồ Phật giáo. Là tín đồ Công giáo, Thiên chúa, Do thái giáo, Hồi giáo.v.v.. Dù kẻ như là Phật giáo. Tuyệt đối chẳng để bạn ra ngoài Phật giáo. Mọi người đều trở thành người một nhà, không phân biệt bỉ thử gì cả.

Các bạn hãy xem! Phật giáo thật vĩ đại thế đấy: Chẳng có ý tưởng bài xích bất kỳ tôn giáo nào cả.



Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

Hòa Thượng Tuyên Hóa

tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

(Tiếp theo)

CHƯƠNG BA: BIỆT GIẢNG VĂN NGHĨA

1. Pháp Hội Nhân Do (Nguyên do của Pháp hội)

Kinh văn:

NHƯ THỊ NGÃ VĂN: NHẤT THỜI PHẬT TẠI XÁ VỆ QUỐC, KỲ THỌ CẤP CÔ ĐỘC VIÊN, DỮ ĐẠI TỶ KHỨU CHÚNG, THIÊN NHỊ BÁCH NGŨ THẬP NHÂN CÂU. NHĨ THỜI THẾ TÔN THỰC THỜI, TRƯỚC Y TRÌ BÁT, NHẬP XÁ VỆ ĐẠI THÀNH KHẮT THỰC. Ứ KỲ THÀNH TRUNG THỨ ĐỆ KHẮT DĨ, HOÀN CHÍ BỐN XŨ. PHẠN THỰC NGẬT, THU Y BÁT, TẨY TỨC DĨ, PHU TÒA NHI TỌA.

Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở nước Xá-Vệ, tại rừng Kỳ-Đà vườn Cấp Cô Độc, cùng với chúng đại tỳ-kheo là một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lúc ấy gần đến giờ thọ trai của đức Thế-tôn, Ngài đắp y mang bát vào đại thành Xá-vệ khắt thực. Trong thành ấy, Ngài theo thứ lớp khắt thực, xong trở về nơi cũ. Thọ trai xong, Ngài cất y bát, rửa chân, rồi trải tòa ra ngồi.

Chú-giải:

Kinh Kim Cang chia thành 32 đoạn. Phần kinh văn trên thuộc đoạn thứ nhất, nói về nguyên do của pháp hội. Nguyên là, đoạn thứ nhất về “nguyên do pháp hội” cùng với đoạn thứ nhì về “thiện hiện thưa hỏi” không có trong kinh văn,

đó là người đời sau thêm vào để giúp chúng ta dễ hiểu ý kinh. Đoạn trên cho biết về nguyên do gì mà có pháp hội. Ai là người đã thuyết trước pháp hội? Đó là đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Mở đầu của mỗi bộ kinh đều có sáu loại thành tựu:

1. Thành tựu về *tín*,
2. Thành tựu về *nghe*,
3. Thành tựu về *thời gian*,
4. Thành tựu về *chủ*,
5. Thành tựu về *nơi*,
6. Thành tựu về *chúng*.

Tôi nghe là thành tựu về nghe; **như vậy** là thành tựu về *tín*; **một thuở nọ** là thành tựu về thời gian; **đức Phật** là thành tựu về *chủ*; **ở nước Xá-vệ, tại rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc** là thành tựu về *nơi*; **cùng với chúng đại tỳ-kheo, tất cả là một ngàn hai trăm năm mươi vị** là thành tựu về *chúng*. Sáu loại thành tựu đó gọi là *thông tự*, sau thông tự là *biệt tự*, tức là đoạn kế tiếp từ các chữ **lúc ấy gần đến giờ thọ trai** cho đến **trải tòa ra ngồi**.

Như thế nào là thông tự, và như thế nào là biệt tự? Thông tự là cái tự chung cho cả các kinh, bất cứ kinh điển nào cũng phải có thông tự kiểu đó. Biệt tự là cái tự riêng cho kinh này, chỉ có kinh này mới có tự đó. Các kinh khác cũng có biệt tự, nhưng các biệt tự không giống nhau. Đó là nói về thông tự và biệt tự. Còn sáu loại thành tựu trong mỗi bộ kinh là dùng để chứng minh kinh có thể tin được, do chính Phật đã nói.

Thông tự còn một tên nữa gọi là *kinh tiền tự*, theo ý nghĩa là phần đó là phần phía trước hay mở đầu của kinh. Người ta lại còn gọi thông tự là *kinh hậu tự* nữa. Cho nên khi giảng kinh,

nói là tiền cũng được, mà hậu cũng được. Sao lại không nhất định như vậy? Đương nhiên là không có gì nhất định cả, vì nếu có cái gì nhất định thì cái đó chẳng phải là Phật pháp. Chờ khi nào đi vào nội dung của *Kinh Kim Cang*, chúng ta sẽ hiểu, do đó mới có câu: “*Không có pháp nào nhất định gọi là A-nậu-đa-la-tam-miệu tam-bồ-đề.*”

Nếu như ta muốn có cái gì nhất định, tức là đã có sự chấp trước, mà đã chấp trước, tức có sự chướng ngại, và chướng ngại là có phiền não. Như không chấp trước thì tức là không, mà không thì hết phiền não, tất cả sự tình, chuyện gì cũng là không hết thì đâu còn cái gì để so đo tính toán? Để buông bỏ không nổi? Bởi đâu chúng ta sinh tâm phiền não? Bởi chúng ta không thấy được cái “không” (khán không), không nhìn xuyên suốt được sự việc (khán phá), không buông bỏ được (phóng hạ), cho nên đâu đâu cũng thấy gai góc, nơi nào cũng đụng đầu. Như thế nào là đụng đầu? Nghĩa là đi tới bất cứ địa phương nào cũng như gặp tường vách cản trở. Còn gai góc là kim châm của thảo mộc, bị gai chích thì đau lắm. Tại sao ta lại bị gai góc chích làm cho đau đớn? Bởi vì cái thân thể này, ta không thấy được cái “không”, ta không buông bỏ, cho nên ta mới có cái cảm giác đau đớn vì gai chích. Nếu ta thấy được rốt ráo cái lẽ “*không người, không ta, không chúng sinh, không thọ giả,*” cái gì cũng không hết, vậy đau, thì ai đau đây? Cả cái người đau cũng không có thì ta còn sinh phiền não nữa chăng? Cái phiền não này nó sinh ra từ đâu vậy? Giảng thì như vậy đó, hành chứng được điều này chẳng phải là chuyện dễ dàng.

Sao lại kêu là *kinh hậu tự*? Nguyên là khi thuyết pháp không có đoạn kinh văn này. Phật đâu có nói: “*Tôi nghe như vậy,*” chẳng qua đó là lời của ông A-nan thêm vào mà thôi. Vậy khi trước thì không có, sau này, trong thời gian kiết tập kinh điển, ông A-nan thêm vào, cho nên mới có tên là hậu tự. Tiền tự cũng còn một tên nữa là *phát khởi tự*.

Tôi nghe như vậy: Mở đầu bộ kinh là bốn chữ này. Tại sao lại dùng bốn chữ này? Ấy là Phật dặn dùng mấy chữ này. Như đã nói, trong kinh văn nguyên không có mấy chữ này. Số là tại rừng Song Thọ (cây sa-la), khi Phật nói xong các *Kinh Pháp-hoa, Kinh Địa-tạng, Kinh Phật Di Giáo và Kinh Niết-bàn*, Phật sửa soạn nhập niết-bàn. Thấy vậy các đệ tử mới cất tiếng khóc vang lên. Số đệ tử này là các vị A-la-hán, họ mà cũng khóc sao? Bởi họ đã từng thọ ơn pháp nhũ (sữa pháp)

của Phật, một ơn sâu dày. Họ là hàng Thanh-văn A-la-hán, từ bao nhiêu năm nay được hưởng sữa pháp, trong lòng cảm kích, chưa biết lấy gì để báo đáp trọng ân, nay thấy Phật sắp nhập niết-bàn, nên trời, người, tỳ kheo, a-la-hán, tất cả đều khóc lên bi thảm. Nhất là tôn giả A-nan lại càng khóc thống thiết hơn, khóc mê man, không còn biết tới sự gì khác nữa.

Giữa lúc ấy, tôn giả A-na-luật (A-nậu-lâu-đà, vị đứng hạng nhất về thiên nhân) mới khuyên A-nan như sau: “Ông không nên khóc! Ông còn phải đảm đương nhiều việc trọng yếu nữa.” Tôn giả A-nan hỏi: “Có chuyện gì mà trọng yếu? Đức Phật sẽ nhập niết-bàn, tôi cũng sẽ đi theo Phật thôi!” Tôn giả A-na-luật đáp: “Không thể được, ông nghĩ như thế là sai!” Tôn giả A-nan hỏi: “Vậy phải làm sao?” Tôn giả A-na-luật mới nói: “Hiện tại có bốn điều, ông phải đi thỉnh giáo đức Phật. Điều thứ nhất là sau khi đức Phật nhập diệt, muốn kết tập kinh tạng, thì phần đầu mỗi bộ kinh phải ghi những lời gì để làm căn cứ? Điều thứ hai là trong khi Phật tại thế, chúng ta cùng đức Phật đều trụ ở một nơi, vậy sau khi Phật diệt độ, chúng ta phải trụ ở nơi nào? Điều thứ ba là khi Phật tại thế, Phật là thầy của chúng ta, vậy sau khi Phật diệt độ, chúng ta lấy ai làm thầy? Điều thứ tư là khi Phật tại thế, đối với các tỳ-kheo xấu, những người không giữ kỷ luật, đức Phật đều có cách điều phục họ, nay nếu Phật diệt độ rồi, thì phải làm cách nào điều phục các tỳ-kheo xấu? Bốn điều nói trên là trọng yếu vô cùng, ông phải đi ngay thỉnh giáo đức Phật!”

Ông A-nan y theo lời, đến hỏi Phật, đúng lúc đức Phật sắp nhập định. Ông bèn vội vàng bạch Phật: “Thưa Thế Tôn! Đệ tử có mấy vấn đề muốn thưa hỏi, liệu có thể được giải đáp hay không? Điều thứ nhất là sau khi Thế Tôn nhập niết-bàn, các đệ tử kết tập kinh điển, thì trên đầu mỗi bộ kinh sẽ ghi những chữ gì để biểu thị đây là kinh Phật nói?” Đức Phật đáp: “Mở đầu mỗi bộ kinh là bốn chữ ‘*tôi nghe như vậy.*’” Ông A-nan hỏi tiếp: “Điều thứ hai là sau khi Phật nhập niết-bàn, các đệ tử sẽ y vào đâu để trụ?” Phật đáp: “Y vào tứ niệm xứ mà trụ.” Tứ niệm xứ là quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm là vô thường, quán pháp là vô ngã. Ông A-nan hỏi điều thứ ba: “Khi Phật tại thế, Phật là thầy của chúng con, vậy sau khi Phật nhập niết-bàn, thì chúng con sẽ tôn ai làm thầy?” Phật đáp: “Các ông sẽ tôn ba-la-đề-mộc-xoa làm thầy.” Ba-la-đề-mộc-xoa là tạng luật, tức là giới luật, lấy giới luật làm thầy.

Tất cả những ai xuất gia đều phải coi ba-la-

đề-mộc-xoa là thầy, bởi vì đó là do Phật chế ra. Nếu kẻ xuất gia chẳng thọ giới, thì cũng như không có thầy. Bởi vậy ta thấy những người xuất gia đều phải thọ, giới sa-di, giới tỳ-kheo, giới Bồ-tát, ba loại giới.

Cuối cùng tôn-giả A-nan hướng Phật, bạch luôn điều thưa hỏi thứ bốn: “Đối với các tỳ kheo xấu, khi còn tại thế thì Phật quản chế được sáu hạng này, sau khi Phật nhập niết bàn, đối với tỳ kheo xấu phải làm sao điều phục được họ?” Phật trả lời: “Phải lặng yên, bỏ mặc họ.” Lặng yên tức là không cùng với họ chuyện trò, như vậy họ sẽ cảm thấy không hứng thú mà tự động đi khỏi; bỏ mặc họ, không lý tới, họ cũng sẽ rời đi nơi khác.

Vào thời đó “Lục quần tỳ kheo” (bọn sáu ông tỳ kheo xấu) không chịu giữ kỷ luật, mà còn hay phá phách. Tuy nhiên so với bây giờ họ cũng hãy còn hay hơn một số tỳ kheo biết giữ giới.

Phật trả lời bốn vấn đề của Ông A-nan xong thì Ngài nhập diệt.

Bây giờ chúng ta đi vào chính kinh văn.

Một thuở nọ: Có một lúc nọ, trong thời gian Phật ở tại nước Xá-vệ.

Nước Xá-vệ: Người ta gọi nơi này là “Phong Đức,” vì nước này có bốn đặc tính sau: (1) tài vật không thiếu, (2) phong cảnh đẹp, (3) nhiều nhân tài, (4) lợi cho giải thoát, một xứ thật là phong phú. Đây là kinh thành của một nước mà quốc vương là vua Ba-tư-nặc.

Rừng Kỳ-đà vườn Cấp-cô-độc ở về phía đông-nam của thành Xá-vệ, cách thành này chừng năm dặm. Xin kể ra đây một công án: chữ “Kỳ-đà” là để kỷ niệm vụ quốc vương Ba-tư-nặc sanh hạ được thái tử, đặt tên là Kỳ-đà, và theo tiếng Phạn thì chữ này có nghĩa là “chiến thắng.” Vì lý do nào mà đặt tên đó? Vì lúc sanh ra thái tử, vua Ba-tư-nặc vừa đắc thắng trong một vụ giao tranh với nước láng giềng. **Rừng Kỳ-đà** là nói rừng cây thuộc quyền sở hữu của thái tử Kỳ-đà.

Vườn Cấp-cô-độc: Chữ “cấp” nghĩa là chu cấp, là bố thí. Bố thí cho cô nhi, cho kẻ cô quả.

Nói về nước Trung-hoa, thời nhà Châu, Châu Văn-Vương áp dụng một chính sách nhân chính để trị nước. Việc đầu tiên là chu cấp cho những kẻ *quan, quả, cô, độc*, tức bốn hạng người coi như khốn cùng nhất. Đàn ông góa vợ, gọi là quan phu, đàn bà góa chồng, gọi là quả phụ. Trẻ con mất cha là cô nhi, lớn tuổi mà không con gọi là cô độc. Các hạng người này đều khốn khổ, vì họ

không còn ai để nương tựa, không ai săn sóc họ, nên Văn Vương mới đặc biệt chiếu cố bốn hạng người trên.

Tại địa phương nơi vườn Cấp-cô-độc có một vị trưởng giả, tên là Tu-đạt-đa (Sudatta), cũng là một vị quan trong triều vua Ba-tư-nặc. Ông rất giàu có, thường chu cấp cho các cô nhi và những ai gặp cảnh cô độc, nên người ta gọi ông là “Cấp-cô-độc.” Vườn nói trên là một loại vườn trồng hoa, vốn thuộc quyền sở hữu của thái tử Kỳ-đà. Ông mua lại khu vườn này của thái tử cốt để thỉnh Phật về thuyết pháp. Ông lấy gì để mua vậy? Bằng những thỏi vàng. Bao nhiêu thỏi? Bằng số lượng những thỏi vàng mà ông chớ tới, đủ để lát kín khu vườn này.

Nhân duyên gì khiến ông đã mua khu vườn này để cúng dường Phật? Số là một hôm ông có công chuyện phải tới thành Vương-xá. Ông tạm trú tại nhà người bạn tên là San-đàn-na. Khoảng nửa đêm, ông thấy ông bạn trưởng giả này thức dậy, trang hoàng nhà cửa, chắp đèn kết hoa, bày biện rất là mỹ lệ.

Thấy vậy, ông hỏi bạn: “Có chuyện gì mà ông lại sửa sang bày biện nhà cửa đẹp đẽ như vậy?” San-đàn-na đáp: “Tôi chuẩn bị mời đức Phật tới nhà thọ trai để cúng dường Ngài.”

Từ trước trưởng giả Tu-đạt-đa chưa từng nghe ai nói tới danh từ “Phật.” Lúc đó, nghe xong câu nói, ông thấy như các chân lông trong toàn thân mọc dựng lên, ông cảm thấy thật kỳ quái bèn hỏi tiếp: “Phật là thế nào?” San-đàn-na kể cho ông hay: “Đức Phật nguyên là một vị thái tử, con vua Tịnh-phạn, nhưng Ngài không ham cả ngai vàng mà xuất gia tu hành, tu sáu năm tại Tuyết sơn, lại du học mấy năm, sau đến thành Ca-da (Gaya) tu dưới gốc cây bồ-đề. Một đêm, trông lên sao sáng, Ngài bưng ngộ đạo, chứng quả thành Phật.”

Trưởng giả Tu-đạt-đa vốn đã có sẵn căn lành, nên nghe xong câu chuyện đó, cảm thấy trong mình nóng nẩy, bứt đầu, bứt tai, muốn đi ngay tìm gặp Phật. Lòng của ông, muốn tức khắc thấy Phật, rất là thành khẩn, đã tới mức độ biến thành cảm ứng, động tới Phật, nên ông được Phật phóng quang chiếu tới. Lúc đó, Thích-ca Mâu-ni Phật đương ở tại tinh-xá Trúc-lâm, cách thành chừng sáu, bảy dặm đường về phía đông-nam. Khi Tu-đạt-đa thấy hào quang phóng tới, cho là trời đã sáng, bèn lập tức khoác áo để đi ra cổng thành mà không biết rằng, giờ đó hãy còn nửa đêm, cổng thành còn đóng kín. Tuy nhiên, vì có Phật dùng thần lực, mở cổng thành, nên trưởng giả Tu-đạt-đa mới qua được cổng, rồi theo ánh sáng lần đi tới chỗ Phật.

Lúc ra mắt Phật, ông không biết phải cư xử thế nào, lễ nghi ra sao, ông không biết cách khấu đầu đánh lễ. May khi đó, có bốn vị trời, hóa thành tỳ-kheo, cùng đến chỗ Phật. Đầu tiên họ quỳ gối, chấp tay, ba lần bạch Phật, sau đó hướng bên tay mặt nhiều xung quanh Phật ba vòng. Ông cũng bắt chước cách ấy đánh lễ trước chân Phật, bạch rằng: “Phật thật là tốt quá, từ trước tới nay, con chưa được gặp Phật, lần này là lần đầu tiên được thấy Phật, con không muốn xa Phật nữa, nay con thỉnh Phật đến một địa điểm gần nhà của con, chẳng hay có được hay không? Đức Phật nói: “Có thể được. Ông có chỗ chẳng? Ở đây, ta có một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, thường ngày cùng với ta, ăn chung và ở chung một nơi, Ông có được một địa điểm rộng lớn như vậy chẳng?” Trưởng giả Tu-đạt-đa bạch: “Khi về nhà, con sẽ kiểm, nhất định sẽ tìm ra được một chỗ để đức Phật trú.”

Trở về nhà, ông bỏ công đi kiếm đất, kiếm tới kiếm lui, kiếm ra vườn bông của thái tử Kỳ-đà. Ông thấy địa điểm này, gần thành Xá-vệ, phong cảnh tú mỹ, đất linh, nhân kiệt, cái gì cũng hay, kết một nổi khu vườn này là tài sản của thái tử Kỳ-đà. Ông bèn nhờ người đi gặp thái tử, ước hỏi việc mua đất.

Thái tử nói đùa một câu như sau: “Được! Tu-đạt-đa muốn mua ư? Có thực nhiều tiền thì hãy đem vàng thỏi rải kín khu vườn thì ta sẽ bán cho.” Thái tử cứ nghĩ rằng chẳng khi nào Tu-đạt-đa có thể mua nổi. Đâu ngờ! Ông trưởng giả quá nhiều tiền. Sự thành khẩn của ông mời Phật thuyết pháp đặc biệt đến nổi, khu vườn có đất giá thêm nữa, ông cũng có thể mua. Ông cho lấy vàng từ các chỗ mà lâu nay ông cất giấu trong kho của nhà, đem từng thỏi lát kín khu vườn nói trên.

Thấy quang cảnh như vậy, trong lòng thái tử Kỳ-đà không vui chút nào. Tại sao vậy? Thái tử đâu có tính bán vườn, nói bán chỉ là lời nói đùa mà thôi. Khi khu vườn đã rải kín bằng những thỏi vàng, thái tử nói với ông trưởng giả như sau: “Ông hãy thâu vàng lại đi, lúc trước tôi chỉ cốt nói đùa với ông, chớ không phải là lời nói thật. Lúc đó tôi nghĩ, làm sao ông có thể bỏ ra chừng đó tiền được. Nay, tuy ông đã làm đúng như vậy, vàng đã bày ra khắp vườn, nhưng vườn hoa này tôi không bán, dù ông có bao nhiêu tiền đi chăng nữa cũng vậy.”

Trưởng giả Tu-đạt-đa đáp: “Lời của thái tử một khi đã nói ra thì không thể coi là lời nói đùa. Nếu nay lời nói của thái tử không đáng tin, mai này khi làm vua toàn dân ai còn tin lời thái tử

nữa.”

Thái tử Kỳ-đà nghĩ, rồi nói với ông trưởng giả: “Đúng là ông đã rải vàng khắp khu vườn, nhưng chỗ cây cao thì không thể dùng vàng bày lên được. Bây giờ làm như thế này vậy! Vườn thì ông cúng dường đức Phật, còn cây thì do tôi cúng dường Phật.” Trưởng giả Tu-đạt-đa đồng ý. Do đó cả hai cùng cúng dường đức Phật khu vườn, nên về sau địa điểm này được đề tên là “**Rừng Kỳ-đà, vườn Cấp-cô-độc.**” Vì lý do trong tương lai, thái tử sẽ là quốc vương, nên tên của thái tử ghi trước tên của ông trưởng giả. Vậy là cây là của thái tử Kỳ-đà, mà vườn là của ông trưởng giả Tu-đạt-đa.

Tu-đạt-đa theo nghĩa của tiếng Phạn là “thiện thí”, tức là hay bố thí.

Cùng với chúng đại tỳ kheo: Tỳ-kheo có ba nghĩa: khát sĩ, bố ma và phá ác, do đó danh từ này vẫn để nguyên tiếng Phạn, chỉ phiên âm mà thôi. “Chúng” là có ý nói số nhiều. Bao nhiêu vậy? **Một ngàn hai trăm năm mươi vị.**

Sau khi thái tử Tất-đạt-đa thành Phật, đầu tiên Ngài tới vườn Nai (Lộc uyển) độ cho nhóm A-nhã Kiền-trần-như gồm năm tỳ-kheo. Kế đó là ba anh em Ca-diếp. Mấy người này thuộc giòng Bà-la-môn, theo ngoại đạo thờ lửa. Họ có được ít nhiều thần thông, nhưng khi gặp Phật, thần thông phóng hỏa của họ không thực hiện được nữa, họ bèn quy y Phật. Người anh lớn tên là Ưu-lâu-đầu-tần-loa, có 500 đồ đệ, người em thứ nhì là Ca-da, người em thứ ba là Na-đề, mỗi người có 250 đồ đệ. Ba anh em suất lãnh cả đám đồ đệ cùng nhau quy y Phật, rồi xuất gia làm tỳ-kheo. Họ đều là những người lâu nay được vua và thần dân tín phụng, cho nên việc họ nhất loạt quy y là một tin chấn động trong toàn quốc. Ít lâu sau, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, vốn là những học giả trong sáu phái ngoại đạo đương thời (ngoại đạo lục sư), cả hai đều là những bậc trí huệ học vấn, có tiếng tăm thời bấy giờ, cũng mang các đồ chúng, 100 người, đến xin quy y Phật. Phật cũng còn độ cho bọn Da-xá 50 người. Vậy là tổng cộng một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, nhưng bỏ số lẻ đi nên chỉ kể là một ngàn hai trăm năm mươi người. Các số đệ tử làm thành pháp hội, thường theo Phật học Phật pháp.

Lúc ấy gần đến giờ thọ trai của đức Thế-tôn: Ý nghĩa của chữ Thế-tôn như thế nào? Đây là một trong mười tên hiệu của đức Phật. Mỗi vị Phật đều có mười tên hiệu như vậy. Phật Thích-ca từ tầng trời Đâu-suất giáng thế, ở phía bên

hông bà Ma-da mà lột lòng mẹ, ra đời thì đi luôn bảy bước, dưới chân đạp lên bông sen, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất mà nói rằng: “Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn.” Khi nói xong câu này, liền có chín con rồng phun nước, tắm cho đức Phật. Bởi đó, tên hiệu của Phật là Thế-tôn, vì ở thế gian cũng như ở các tầng xuất thế gian, tất cả đều suy tôn và kính ngưỡng Ngài.

Ngài đắp y mang bát, vào đại thành Xá vệ khát thực. Đắp y: Y có ba loại. Một là áo *an-đà-hội*, tiếng Phạn này dịch nghĩa là “áo làm việc,” nghĩa là khi làm việc thì mặc áo này. Người ta còn gọi là “áo năm mảnh,” mảnh ngắn chắp với mảnh dài. Loại áo thứ hai kêu là *uất-đa-la-tăng*, dịch nghĩa là “áo bảy mảnh,” dành cho người xuất gia mặc. Loại thứ ba là *tăng-già-lê*, còn gọi là “tổ y,” là “đại y,” gồm có năm mảnh, với 108 mảnh vụn. Ý này có nghĩa gì vậy? Áo này được coi là áo “phước điền,” hay là ruộng phước vì mỗi mảnh vụn tượng trưng cho một thửa ruộng, do những người tại gia cúng dường cho tam bảo, trước mặt mấy người xuất gia để cầu phước. Ý nghĩa cũng giống như việc gieo trồng ở ruộng, lấy công đức gieo xuống ruộng, nên áo này mới có tên là áo phước điền. Người xuất gia mỗi khi mặc áo này thì có lời chú nguyện như sau: *Thiện tại giải thoát y, vô thượng phước điền y, ngã kim đảnh đái thọ, thế thế thường đắc phi* (lành thay áo giải thoát, áo phước điền vô thượng, tôi nay kính lãnh thọ, đời đời áo được mang), coi như không còn gì trên đời cao thượng bằng áo đó.

Áo này được mang vào những lúc nào? Vào những dịp đang đường giảng kinh, thuyết pháp, hoặc vào cung vua để được cúng dường. Đi ra ngoài hóa duyên khát thực cũng lấy y này đắp lên.

Phật đến giờ thọ trai, cũng *đắp y mang bát*, mình thì mang y, tay thì cầm bát.

Mang bát: Danh từ “bát” cũng là tiếng Phạn, kêu là *bát-đa-la (patra)*, nói gọn lại chỉ còn một âm là *bát*. Bát là một “ứng lượng khí,” nghĩa là một đồ dùng tương ứng với một lượng, ý muốn nói số lượng thực phẩm đựng trong bát là vừa đủ cho mình ăn. Bát của Phật Thích-ca Mâu-ni là bát bằng sắt do vua trời Tứ-thiên vương cung hiến.

Phật mang bát đi vào thành nước Xá-vệ để xin ăn. Tại sao người xuất gia lại phải đi xin ăn? Xin ăn chính là mang cơ hội đến cho chúng sanh, để họ có thể gieo phước trước tam bảo. Đi tới từng nhà mà xin, có thuyết nói là bảy nhà, có thuyết thì chẳng kể bao nhiêu nhà, khi nào xin

đủ ăn thì thôi.

Khất thực thì “chớ bỏ nhà nghèo mà tới nhà giàu, bỏ nhà hèn mà tới nhà sang.” Trong *Kinh Lăng-nghiêm* có đoạn như sau: “*Ông A-nan vốn biết, đức Như-lai Thế tôn, quả ông Tu-bồ-đề và ông đại Ca-diếp, làm A-la-hán mà tâm chưa quân bình.*” Có chuyện gì mà lại quả trách hai vị này vậy? Số là tôn giả Tu-bồ-đề suy nghĩ như thế này: “Vì duyên có gì người ta có được nhiều tiền? Bởi vì kiếp trước người ta đã làm được công đức, kiếp này hưởng phước báo, nay nếu không cùng họ hóa duyên, đừng giúp họ cơ hội gieo phước thì kiếp này họ không được làm công đức, kiếp sau tất họ sẽ bần cùng.” Bởi lý do này mà tôn giả Tu-bồ-đề chuyên gõ cửa các nhà có tiền để hóa duyên. Cũng có lý do là thức ăn của những người có tiền đều là thức ăn ngon; tôi cho rằng tôn giả Tu-bồ-đề thích ăn của ngon, nên người mới đến nhà giàu để xin ăn. Tôi nói như vậy không biết chừng, đã phi báng tôn giả Tu-bồ-đề, hoặc giả, tôn giả không có ý này, không ham đồ ăn ngon như bọn chúng ta ngày nay, mà thực lòng muốn cho các người giàu được cơ hội đừng tiếp tục gieo phước lành.

Tôn giả đại Ca-diếp là một đầu-đà tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Ông không đến những nhà giàu để hóa duyên, chỉ tới các nhà nghèo, vì ông có ý nghĩ như thế này: “Những người nghèo đó, bởi có gì họ nghèo? Bởi trong kiếp xưa, họ không biết làm công đức, nên kiếp hiện tại họ nghèo, nay ta hãy đến độ cho họ một phen, cho họ được gieo chút phước trước tam bảo, đừng kiếp sau họ được phú quý.” Nghĩ vậy nên Tôn giả đại Ca-diếp mới chuyên đi hóa duyên các người nghèo. Tôi cho rằng, vì Tổ-sư Ca-diếp tu khổ hạnh, không ham ăn đồ ngon, và biết rõ nhà giàu thường có đồ ăn ngon, còn mình thì không muốn ăn đồ ngon, nên chỉ đến nhà nghèo mà hóa duyên là ý đó. Người Trung Hoa có câu ngạn ngữ: “Giảm y tăng thọ, giảm thực tăng phúc,” tức là giảm thiểu ăn và mặc thì phước thọ tăng. Lúc Tôn giả đại Ca-diếp quy y Phật, Ngài đã một trăm hai mươi tuổi rồi.

Ông Tu-bồ-đề chuyên hóa người giàu, ông đại Ca-diếp chuyên hóa người nghèo, tư tưởng của cả hai đều có ý thiên một bên, không hợp với lẽ trung đạo, nên Phật mới quả rằng họ là A-la-hán mà còn thiên, không thuận với lẽ trung đạo. Phật thì đi khát thực trong một tinh thần bình đẳng, không chọn người có tiền, cũng không kiếm người bần cùng, và ông A-nan cũng giống như

(Xin xem trang 4)

Chạy Trốn

Thửa xưa tại nước Càn-Đà-Vệ có một đoàn ca-kịch, nhân vì trong nước phát sanh nạn đói hiểm nghèo, bọn họ mới sửa soạn hành lý ra nước ngoài phò diễn. Đường đi phải trải qua hòn núi Bà-La-Tân, nghe đồn trong núi có con quỷ la-sát, nó thường ăn thịt người; nhưng đến núi thì trời đã tối, không thể lên chợ được, đoàn hát đành phải ngủ lại đó một đêm.

Trên núi gió nhiều càng lúc càng mạnh, bọn họ phải nhúm lửa để hơ, cả bọn đều nằm ngủ bên đống lửa. Trong bọn có một người phát bệnh nóng lạnh, không chịu được hơi lạnh bên ngoài, bèn lấy một bộ đồ diễn kịch mặc nhưng lại lấy nhằm bộ đồ diễn lớp quỷ la-sát mặc vào, ngồi bên đống lửa hơ ấm.

Sau đó, một người trong bọn thức dậy, ngóc đầu dòm thấy bên đống lửa có người mặc đồ quỷ la-sát ngồi, sồn sát không chịu xem kỹ lưỡng, tưởng là quỷ thật ngồi rình, lập tức ba chân bốn cẳng, cầm đầu chạy một mạch, cả bọn nghe ồn ào đều giật mình thức dậy, không rõ đầu đuôi cũng cầm đầu chạy theo. Bấy giờ người mặc đồ quỷ la-sát thấy cả bọn đồng chạy rất nhanh không hiểu ắt giáp gì cũng chạy theo sau lưng bọn họ. Khi bọn chạy trước vừa chạy vừa nhìn lại sau, thấy phía sau có con quỷ la-sát rượt theo rất gấp, kinh hoảng phi thường, bèn gắng sức chạy như điên, không quản chông gai đá sạn, chẳng kể suối sông lạch nguồn, băng chạy trời chết, thân thể cả bọn đều bị thương, tinh thần tán loạn. Bọn họ chạy đến sáng nhìn ngoài lại xem kỹ người mặc đồ quỷ la-sát chạy theo sau không phải là quỷ thật. Cả bọn mới hoàn hồn đồng dừng chân lại.

Chuyện này tỉ dụ: chúng sanh ở trong vòng phiền-não buộc ràng, trong rừng ngã-kiến mê muội. Do đây ở trong bản tâm thanh tịnh vọng khởi vô minh, lưu chuyển sanh tử, hằng chịu sự khổ não sợ sệt vô cùng, không phút nào được tự do giải thoát. Nếu như có thể phá trừ được ngã-kiến mê lầm, tiêu hủy được tập khí phiền não, “tâm cuồng vọng nếu hết tức là bờ-đề”, thì ngay nơi nhứt dụng hằng ngày, tâm thể chân như, thanh tịnh viên minh, tịch chiếu xưa nay của chúng ta hiển hiện, lại có gì đáng lo sợ hoảng kinh. Chính nghĩa là: “Trong trời đất vốn vô sự, người ngu tự quấy nhiễu mình”.

(Trích từ Kinh Bách Dụ, Thích Nữ Như Huyền dịch)

Thông Báo

Vạn Phật Thánh Thành (Thất và Pháp Hội năm 1998)

Quán Âm Thất:

Mỗi năm Vạn Phật Thành đều tổ chức ba lần Quán Âm Thất. Mỗi thất kéo dài bảy ngày, chuyên tu trì niệm hồng danh đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

1) Tháng 3: từ ngày 15 đến ngày 21

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 15/3.

2) Tháng 8: từ ngày 9 đến 15

Lễ đức Quán Thế Âm Bồ Tát thành Đạo sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 9/8.

3) Tháng 11: từ ngày 1 đến ngày 7

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát Xuất Gia sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 1/11.

Địa Tạng Thất.

Từ ngày 13 tháng đến ngày 19 tháng 9, chuyên tụng kinh Địa Tạng và trì niệm hồng danh đức Địa Tạng Bồ Tát.

Lễ Vu Lan sẽ tổ chức vào thứ bảy ngày 5 tháng 9 nhằm ngày rằm tháng 7.

Phật Thất:

Từ chủ nhật ngày 27 tháng 12 năm 1998 đến chủ nhật ngày 3 tháng 1 năm 1999, chuyên trì niệm hồng danh đức A Di Đà Phật.

Lễ vía Đức Di Đà cử hành vào chủ nhật ngày 3/1/1999.

Thiền Thất:

Thiền thất mùa đông bắt đầu ngay sau Phật thất, từ ngày 4 đến ngày 26 tháng 1 năm 1999.

Những khóa tu hay thất trên là cơ hội rất tốt để quý Phật tử chuyên tâm dụng công, là môi trường rất tốt để cho công phu được miên mật. Xin liên lạc Vạn Phật Thành để biết thêm chi tiết.

Lễ Sám Hối

Ba tuần lay **Vạn Phật Bảo Sám** bắt đầu từ thứ sáu ngày 10 tháng 4 đến ngày 2 tháng 5, từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều mỗi ngày.

Lễ Phật Đản sẽ cử hành ngay sau Vạn Phật Bảo Sám tức vào chủ nhật ngày 3 tháng 5, nhằm mừng tám tháng tư âm lịch.

Hoa Nghiêm Pháp Hội

Cũng như hai năm trước, vào dịp lễ giỗ của Cố Lão Hòa Thượng, Vạn Phật Thành đều tổ chức Pháp Hội Hoa Nghiêm, trong suốt 21 ngày chuyên trì tụng kinh Hoa Nghiêm, bắt đầu từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Năm nay, Pháp Hội bắt đầu từ ngày 31 tháng 5 đến ngày 20 tháng 6.

Lễ đại tường của Cố Lão Hòa Thượng sẽ cử hành vào ngày đầu tiên của Pháp Hội tức là vào chủ nhật ngày 31 tháng 5.

Tu Viện Long Beach

Đại Bi Thất: Từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối thứ bảy ngày 18 tháng 4. Bát quan trai giới sẽ truyền vào 6 giờ 30 sáng.

Lớp Phật pháp chuyên đề: Hiện tại lớp đang học tới phẩm thứ mười một của **Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Tịnh Hạnh**, (bằng Việt ngữ) vào mỗi tối thứ sáu từ 7 đến 9 giờ 30.

Lớp Thảo Luận: Về Phật pháp sơ cấp bằng Anh Ngữ, mỗi thứ Tư.

Buddhist Studies (in English):
INTRODUCTION TO BUDDHISM, every Wednesday night, from 7:00-9:00PM.

Lớp Nghiên Cứu: Tiếp tục tìm hiểu về Thọ Âm Ma trong Ngũ Thập Ám Ma của Kinh Lăng Nghiêm. Giảng bằng tiếng Anh và Hoa, mỗi thứ bảy từ 7 tới 9 giờ tối.

Meditation Class: Every Sunday from 8:30 to 10 AM. (Instructions are given in English) Các bạn đã biết tịnh tọa hay có thể tham gia ngồi từ 8 đến 11 giờ sáng chủ nhật.

Lễ Phật Đản: sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 10 tháng 5, bắt đầu từ 7 giờ sáng. **Lễ Tắm Phật** bắt đầu lúc 9 giờ. Mong quý Phật tử tham dự.



CẨM NANG TU ĐẠO

Hoà Thượng Quảng Khâm

(tiếp theo từ số 33)

Chương 7: Xuất gia và Tại gia

1. Tại gia:

“ Tham lam, quyến luyến mọi thứ ở trần gian thì bạn sẽ mãi luân hồi trong bốn loài (sinh ra từ trứng, từ bào thai, từ nơi ẩm ướt, từ sự biến hóa).

“ Mọi thứ trong xã hội đều là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Khi chưa xuất gia, ai cũng gieo trồng đủ thứ hạt giống của cõi trần gian tục lụy.

“ Người đời ai cũng mong cầu hưởng thụ vật chất, ai cũng yêu thích đẹp đẽ; ăn mặc tươm tất. Người giàu thì có năng lực truy đuổi những thứ ấy; kẻ không tiền thì cũng vì những thứ ấy mà lặn lội truy cầu.

“ Hễ ai tham những thứ thanh, hương, vị, xúc, pháp, thì sẽ có phần luân hồi trong bốn loài.

“ Người đời bị ngũ dục làm mê mờ. Chỉ vì muốn ăn ngon nên sát sanh để nuôi dưỡng thân mạng. Họ không biết rằng ăn thịt chúng sanh tức là ăn thịt chính họ. Bởi, ăn một cân thịt, bạn nhất định phải trả 16 lượng; đây là việc bạn không thể trốn tránh đặng. Do đó, cả một đời, người đời cứ phải trả nợ, đời nợ; đời đời kiếp kiếp không thể thoát khỏi luân hồi. Hướng chỉ những miếng thịt họ ăn có khi là thịt của chúng sanh mà xưa kia đã từng là cha mẹ của họ. Làm sao tâm mình có thể bất nhần đến như vậy?

“ Kẻ tại gia sát sanh để ăn thịt; chúng

sinh bị giết đều là họ hàng quyến thuộc của họ trong nhiều kiếp trước. “Mày giết tao, tao sẽ giết mày;” cứ vậy mà có luân hồi sinh tử. Những người tại gia không hiểu biết, thiếu nhận thức, cho rằng nếu họ không sinh con đẻ cái thì mạng họ khổ lắm; tự than thở rằng mình không được như gia đình kẻ khác, con cái đầy nhà. Họ nào ngờ rằng, không con cái tức là ít oan gia, nợ nần!

2. Xuất gia: Báo đền bốn ân lớn

“ Hiếu thảo với chư Phật, chư Tổ, thì mới là có hiếu với cha mẹ.

“ Bạn hãy khéo léo dùng mọi cách cho cha mẹ bạn hiểu Đạo. Nếu có lòng thành, tối thiểu họ sẽ được sanh lên cõi trời.

“ Là kẻ xuất gia, mình phải độ thoát bà con họ hàng của mình. Tối thiểu, hãy làm cho họ tin Phật, ăn chay trường, không sát sinh; như thế mới viên mãn bốn phận của mình.

“ Ân cha mẹ sinh thành dưỡng dục lớn lắm, nếu không xuất gia tu hành thì khó đền đáp công ơn này. Đó là vì giữa cha mẹ và con cái vốn có thứ ân oán lẫn thân tình đan kết từ nhiều đời.

Xuất gia muốn báo đáp bốn ân lớn thì bạn phải độ thoát cha mẹ bạn, khiến họ liễu sanh tử. Song cha mẹ nào phải chỉ có ở đời này thôi đâu; mà cha mẹ có từ nhiều đời trước nữa, bất quá mình không biết đó thôi. Không tu thì làm sao hiểu đặng kiếp trước mình có nhiều cha mẹ như vậy? Song bạn chớ khởi lòng thương nhớ cha mẹ; hồi tưởng những

kỷ niệm ấy đều là thứ sanh tử!

Làm cha mẹ, ai cũng muốn con mình lấy vợ, sinh con, hết như họ vậy - một cuộc đời đầy dẫy thương yêu, khổ, não. Nếu bạn, kẻ tu hành, mà ham thích những việc ấy, thì sau này bạn sẽ tha hồ đóng vỡ tuồng ấy. Đây là những 'màn kịch' mà bạn có thể diễn vô cùng tự nhiên, không cần phải học cách lễ, nghĩa, liêm, sĩ gì cả. Khi đọa lạc làm súc sinh, bạn sẽ diễn những tấn tuồng ấy tự nhiên hơn nữa!

.. Cha mẹ càng tốt với bạn bao nhiêu, là họ càng có ân oán nhân duyên với bạn bấy nhiêu.

Quan điểm của người tu thật khác xa so với quan điểm của người đời: Cha mẹ càng thương yêu bạn, thì khi lâm chung, họ sẽ bịn rịn, không buông bỏ bạn được. Song le, bạn chớ vì thế mà sanh phiền não, trách móc cha mẹ bạn.

Hãy chuyên tâm tu Đạo. Nếu không,

bạn sẽ rơi vào vòng tình cảm yêu ghét, chịu cái khổ xa cách người mình thương mến; rồi do đó bị cuốn hút vào chuỗi luân hồi sanh tử. Thật nguy hiểm lắm!

.. Bạn chớ chấp trước (quyến luyến) cha mẹ, bà con, anh em trong đời này. Họ đều là những chủ nợ, những kẻ có ân oán với bạn từ nhiều kiếp trước cả.

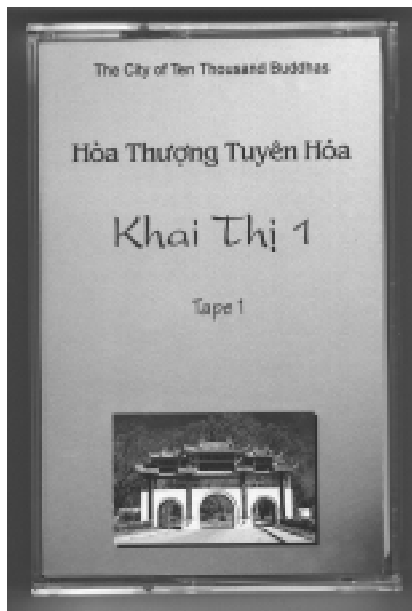
.. Mỗi người đều do nhân quả nên sinh ra; rồi vì nhân quả nên chết đi. Cha mẹ, bà con của mình đều ở trong vòng luân hồi; do đó, mình phải mau mau tu hành để độ thoát họ.

.. Mình vì nghiệp nên sinh ra, song chớ vì nghiệp mà chết đi. Phải tu - trên đền bốn ân lớn, dưới độ ba đường khổ. Tự mình phải tu cho đặng giải thoát thì mới có chỗ thành tựu.

(còn tiếp)

Kinh Sách Ấn Tống

Từ khi sang Mỹ, Cố Lão Hòa Thượng giảng giải nhiều kinh điển Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Địa Tạng, Lục Tổ Đàn Kinh, Tâm Kinh, Kinh Đà La Ni, Kinh A Di Đà... Ban Phiên Dịch có ý nguyện dịch và phổ biến miễn phí đến các Phật tử những chú giải ấy cũng như những bài Pháp thoại của Ngài. Hiện tại những sách đã xuất bản là:



- Khai Thị 1 & 2: Những bài Pháp thoại của Hòa Thượng Tuyên Hóa
- Hoa Sen Ngày Xuân: Ngữ Lục của Hòa Thượng Tuyên Hóa
- Cẩm Nang Tu Đạo: Ngữ Lục của Hòa Thượng Quảng Khâm
- Băng đọc Khai Thị 1 (gồm 6 cuốn)

Sắp xuất bản:

- Khai Thị 3 Hòa Thượng Tuyên Hóa

Nếu quý Phật tử muốn thỉnh những băng sách trên, xin gửi cước phí về Long Beach Monastery. Nếu phát tâm ủng hộ ấn tống những kinh sách sẽ xuất bản, xin liên lạc về Tu Viện Long Beach, chi phiếu xin đề DRBA (*memo đề ấn*

tống kinh sách Việt ngữ).



Vấn Đáp

Hỏi: Ma là gì ? Có bao nhiêu loại?

Đáp: Ma là trở ngại sự tu đạo. Sự biến hóa của vọng tâm, hay những hiện tượng ngoại giới. Có 4 loại ma:

1. Phiền não ma: Phiền não ma gồm có tham sân si mạn nghi tà kiến, v.v... là những tâm thái, che lấp chân tâm, trở ngại sự phát triển của trí huệ.
2. Thiên ma: Là một loại chúng sinh đấm trước vào sự khoái lạc của bản ngã, thích được tự tại, tự do phóng dật. Thiên ma thì cư trú ở trên trời Tha hóa tự tại; chúng rất sợ người tu thành đạo do đó tìm cách phá hoại người tu, làm trở ngại đường giác ngộ.
3. Tử ma: Hay là sự chết. Chết cũng làm trở ngại công phu tu hành. Chết làm gián đoạn công phu tu hành miên mật của hành giả.
4. Ấm ma: Là cảnh giới sinh khởi do hành giả quán chiếu, phá vỡ năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) trong quá trình khai mở Phật tánh. Những cảnh giới này gọi là ma vì nó có thể làm hành giả mê muội, khiến họ rơi lạc vào nẻo tà, hoặc giả rơi vào tay của thiên ma. Ấm ma gồm có 50 thứ (mỗi ấm có mười loại).

Hỏi: Xin thầy giải thích thêm về bản chất của Ấm ma hay 50 ấm ma.

Đáp: Sau đây xin trích dẫn lời dạy của Hòa Thượng Tuyên Hóa về 50 ấm ma (giảng vào tháng 1, 1983) như sau: Ấm ma không phải chỉ có 50 thứ, nó có thể có 500, 5000 hay 5 vạn, hay 50 vạn loại. Mỗi loại lại phân chia mười thứ. Nếu phân chiết thì chúng có thể lên đến trăm vạn loại. Tóm tắt thì thế nào là ấm ma? Thật ra, căn bản của chúng chẳng là gì cả, chúng chỉ là một thứ *âm khí*. Âm khí này từ đâu tới? Từ nơi âm niệm (tư tưởng ý nghĩ âm hiểm âm độc) của ta mà ra. Âm niệm tức là tâm niệm tham lam, sân hận, ngu si. Từ đó chúng sản sinh ra sắc thọ tưởng hành thức. Trong mỗi ấm ấy lại sinh khởi ra không biết bao nhiêu là âm tướng (hay hiện tượng âm hiểm). Âm tướng này xuất hiện là bởi vì công phu của bạn đạt đến một trình độ nào

đó. Nếu công phu của bạn chưa có trình độ thì dù muốn có ấm ma, bạn cũng không thể nào gặp được. Hễ công phu có trình độ thì ma hiện. Khi chúng hiện bạn đừng hốt hoảng, cũng đừng sợ bị ma nhập. Khi âm tướng xuất hiện, bạn phải giữ thái độ an nhiên, giống như chẳng có chuyện gì xảy ra.

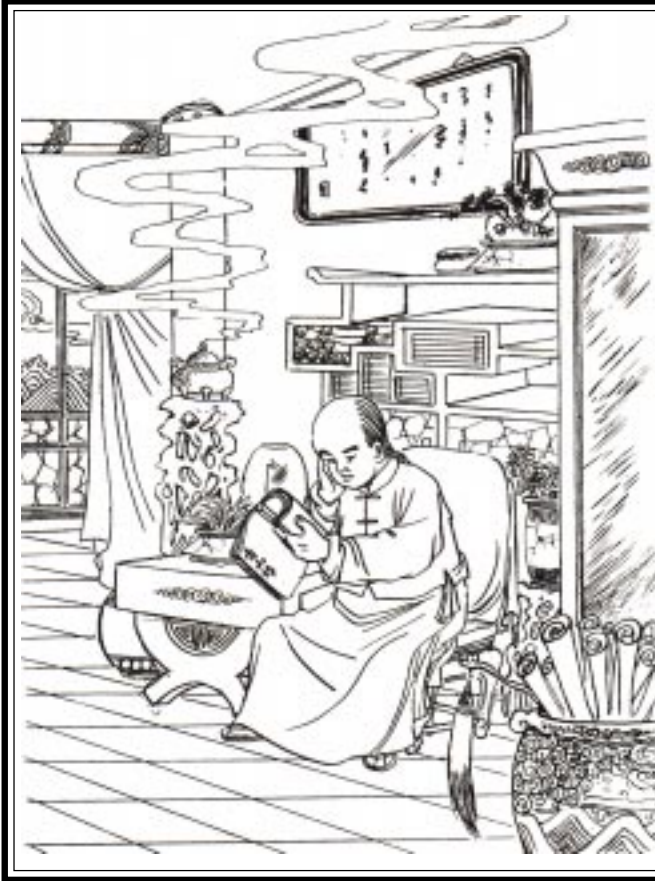
Kiến như bất kiến

Văn như bất văn

Đó cũng chính là nhìn mà chẳng thấy, nghe mà chẳng lọt tai, ném nhưng chẳng biết mùi vị. Nếu bạn có thể không nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì ấm ma chẳng có cách gì hại bạn được. Nếu bạn chẳng có tham, sân, si thì bạn có thể hàng phục bọn ấm ma. Và nếu bạn chẳng có lòng ích kỷ, chẳng tự lợi, chẳng mong cầu, chẳng tham lam chẳng tranh giành gì cả thì không có ma nào phá hoại bạn được. Khi mình nghiên cứu ngũ ấm ma, các bạn chớ sợ chúng. Mình không cần thiết phải sợ. Thứ âm khí của ma này thì như thế nào? Có thể ví dụ như làn hơi do nước đun sôi bốc ra. Khi đun nước nếu hơi bốc lên tức nước đang sôi. Khi bạn tu hành (có trình độ rồi) thì ma hiện ra. Chúng là các thứ âm niệm, âm khí huyền hóa xuất hiện nơi tự tánh của bạn y hệt như khi nước sôi thì hơi bốc ra - Khi chúng huyền hóa xuất hiện, bạn chớ bị chúng làm động tâm. Nếu được vậy thì chẳng có gì rắc rối. Khi nước sôi, thì hơi bốc lên, chẳng có gì kỳ lạ. Sau khi hơi bốc ra, nước sẽ nguội để mình uống.

Khi người tu xuất hiện ra ma khí như vậy thì cũng giống như vàng được thanh lọc tôi luyện. Khi cấu bẩn trừ hết thì chỉ còn lại vàng ròng. Tu đạo thì chẳng khác gì tôi luyện vàng ròng vậy. Rằng: *Vàng thiệt không sợ lửa*.

Bạn phải luyện cho ra vàng ròng, luyện cho thành thân kim can bất hoại. Muốn có thân kim can bất hoại, bạn phải dụng công tu hành trong mọi thời mọi lúc, niệm niệm liên tục. Khi tu, bất luận bạn đạt tới trình độ nào, bạn chớ sinh lòng hoan hỷ hay sợ hãi. Đây là điều tối quan yếu, tối căn bản để người tu giải quyết các ma chướng.



Hòa Thượng Hư Vân Hóa Truyện

10. ĐỌC CHUYỆN HƯƠNG SƠN, PHÁT TÂM XUẤT GIA

Trong nhà của ngài chứa rất nhiều sách cổ kính. Có lần xem xét những sách ấy ngài tìm thấy quyển truyện Hương Sơn nói về sự tích Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Truyện ấy khắc sâu vào tâm khảm của ngài, khiến ngài quyết ý sau này sẽ xuất gia tu đạo, chẳng màng tới công danh vinh hiển hay giàu sang phú quý. Ngài chỉ muốn sống đạm bạc để tỏ chí hướng, trau dồi đức hạnh để thật thanh cao.

Hòa Thượng Tuyên Hoá có bài kệ khen rằng:

*Phát lòng bồ đề, ngộ bản tâm,
Ngực đầy chí khí vượt trời xanh,
Nay đọc Hương Sơn truyện Quán Âm,
Mong như chí Ngài: xuất hiện nhân.*

Dharma Realm Buddhist Association *
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803 - USA
e-Mail: BoDeHai@AOL.com

Non-Profit Org.
US POSTAGE
PAID
Long Beach, CA
Permit No.432

To : _____

* Bồ Đề Hải phát hành mỗi 2 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Long Beach Monastery. Chi phiếu ủng hộ ấn tống, xin đề: DRBA/Bồ Đề Hải Newsletter.